

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/DS-ST

Ngày: 19/12/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.

2. Bà Trần Lệ Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang tham dự phiên tòa: ông Trần Công Đình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 và ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 186/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á

Địa chỉ: Số D, N, phường E, Quận C, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P.** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình L.** Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Quản lý nợ. (Theo Giấy ủy quyền số 1214/UQ-QLN.24 ngày 06/8/2024)

Địa chỉ liên hệ: Lầu H, Tòa nhà A, D, đường C, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Bá L1.** Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ. (Theo văn bản ủy quyền số 180/UQ-QLN.25 ngày 21/01/2025).

(Có mặt)

1.2 Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc Y**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số D, đường P, phường R, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa xét xử ngày 19/11/2025 bà Y có mặt. Phiên tòa xét xử ngày 19/12/2025 bà Y có văn bản ủy quyền cho ông Đặng Ngọc T nhưng văn bản ủy quyền chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự, chưa được công chứng hoặc chứng thực hợp lệ. Do đó, tại phiên tòa xét xử ngày 19/12/2025 xác định là bà Trần Thị Ngọc Y vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án Dân sự ngày 21/01/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á (gọi tắt là A) là ông Nguyễn Bá L1 trình bày: Bà Trần Thị Ngọc Y đã vay vốn của A theo các hợp đồng, cụ thể:

1. Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.1374.120123, ngày 16/01/2023; số tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); mục đích vay: Mua nhà, đất tại Lô L đường số B, dự án KDC bến xe tỉnh, ấp S, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Thời hạn vay: 180 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn: 12%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3,9%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

2. Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.5286.290224, ngày 01/3/2024, số tiền vay 900.000.000 đồng; mục đích vay: Xây dựng/sửa chữa nhà; thời hạn vay: 180 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn: 9,5%/năm, cố định trong thời hạn 24 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

3. Thẻ tín dụng ngày 02/02/2023 và ngày 07/03/2024, cụ thể:

+ Số thẻ tín dụng: 4365 99** **** 7586, ngày 07/02/2023; Loại thẻ: VISA Signature; Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: 01/02/2026

+ Số thẻ tín dụng: 4365 99** **** 8642, ngày 09/02/2023; Loại thẻ: VISA Platinum; Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: 01/02/2026

+ Số thẻ tín dụng: 4365 99** **** 8618, ngày 14/3/2024; Loại thẻ: VISA Signature; Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: 01/03/2027.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Lô L, đường số B, Dự án khu dân cư bến xe tỉnh, ấp S, xã V,

huyện C, tỉnh Kiên Giang do bà Trần Thị Ngọc Y đứng tên chủ quyền theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KIG.BĐCN.93.120123, ngày 16/01/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 25/10/2024, A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên. Ngày 25/10/2024, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với các thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 19/12/2025 bà Y còn nợ A tổng cộng số tiền gốc là 2.092.158.486 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 19/12/2025, trong đó: Lãi trong hạn là 48.544.620 đồng; lãi quá hạn là 447.467.063 đồng; phạt chậm trả lãi là 5.800.563 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.623.970.732 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng). Mặc dù A đã tạo mọi điều kiện để bà Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Y không thực hiện trả nợ đúng như đã cam kết, để nợ quá hạn kéo dài không thanh toán từ đó làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của Ngân hàng. Vì vậy A khởi kiện đến Tòa án.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Bá L1 yêu cầu: Yêu cầu bà Trần Thị Ngọc Y phải thanh toán cho A tổng cộng số tiền gốc là 2.092.158.486 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 19/12/2025, trong đó: Lãi trong hạn là 48.544.620 đồng; lãi quá hạn là 447.467.063 đồng; phạt chậm trả lãi là 5.800.563 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.623.970.732 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/12/2025 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Nếu bà Trần Thị Ngọc Y không trả hoặc trả không đầy đủ thì A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Lô L, đường số B, Dự án khu dân cư bên xe tỉnh, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Ngọc Y.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 19/11/2025, bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y trình bày:*** Bà Y thừa nhận có vay tiền của A theo Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.1374.120123, ngày 16/01/2023, số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.5286.290224, ngày 01/3/2024, số tiền gốc

là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và Thẻ tín dụng ngày 14/3/2024 có hạn mức là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), ký tại A-CN Rạch Giá.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Lô L, đường số B, Dự án khu dân cư bến xe tỉnh, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang do bà Trần Thị Ngọc Y đứng tên chủ quyền theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KIG.BĐCN.93.120123, ngày 16/01/2023.

Đối với 02 thẻ tín dụng có hạn mức 100.000.000 đồng ký tại A-CN Hòa H thì bà Y chỉ ký đề nghị cấp 01 thẻ với hạn mức 100 triệu, nhưng hồ sơ khởi kiện của A thì tới 02 thẻ, mỗi thẻ 100 triệu là chưa đúng thực tế. Bà Y đề nghị phía A kiểm tra, đối chiếu lại.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngày 19/11/2025, bà Trần Thị Ngọc Y thể hiện quan điểm: Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A thì bà Y không đồng ý. Vì, đối với các Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng nêu trên, sau khi Ngân hàng có thông báo nợ quá hạn thì bà Y nhiều lần liên hệ, làm việc với nhân viên Ngân hàng để thương lượng, xử lý dứt điểm các khoản nợ nhưng không được phía Ngân hàng hỗ trợ, tạo điều kiện xử lý nợ theo phương thức mà bà Y đưa ra. Ngoài ra, bà Y cho rằng phía A tính lãi chưa chính xác.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I – An Giang phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vi phạm theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương XIV Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa được công khai, các đương sự được tạo điều kiện phát biểu, cung cấp chứng cứ, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng và các nguyên tắc cơ bản từ Điều 11 đến Điều 16 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chủ tọa điều hành phiên tòa đảm bảo tính khách quan, trung lập. Thư ký ghi biên bản đầy đủ nội dung diễn biến phiên tòa, về việc xét xử vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên không thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Trần Thị Ngọc Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi đến khi thanh toán dứt nợ. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng TMCP Á yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y phải trả số tiền vay gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp giữa các bên được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Y cư trú tại địa chỉ số D, đường P, phường R, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang.

[2] *Về phạm vi khởi kiện:* Nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu bà Y phải trả số tiền vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.1374.120123, ngày 16/01/2023; Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.5286.290224, ngày 01/3/2024; Thẻ tín dụng ngày 02/02/2023 và ngày 07/03/2024, cụ thể: Tổng cộng số tiền tiền gốc là 2.092.158.486 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 19/12/2025, trong đó: Lãi trong hạn là 48.544.620 đồng; lãi quá hạn là 447.467.063 đồng; phạt chậm trả lãi là 5.800.563 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.623.970.732 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/11/2025 đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Nếu bà Trần Thị Ngọc Y không trả hoặc trả không đầy đủ thì A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Lô L, đường số B, Dự án khu dân cư bên xe tỉnh, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Ngọc Y. Trong vụ án, bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y không có yêu cầu phản tố.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:*

[3.1] *Đối với số tiền vay vốn gốc còn nợ là 2.092.158.486 đồng. Xét thấy, việc bà Y vay tiền của A được các bên xác lập bằng các Hợp đồng cấp tín dụng số*

KIG.CN.1374.120123, ngày 16/01/2023; Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.5286.290224, ngày 01/3/2024; Thẻ tín dụng ngày 02/02/2023 và ngày 07/03/2024, có bà Y ký tên xác nhận. Các hợp đồng đều thể hiện đầy đủ, rõ ràng về số tiền vay, mục đích vay, mức lãi suất, phương thức, thời gian thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên.... các điều khoản thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên do bà Y đã vi phạm nghĩa vụ là không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng chuyển khoản vay thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu trả nợ là đúng quy định Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Bà Y đã nhận được tiền vay thì phải có nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bà Y cho rằng, sau khi Ngân hàng thông báo nợ quá hạn bà Y có đến Ngân hàng để thương lượng, xử lý nợ nhưng không được Ngân hàng hỗ trợ và tạo điều kiện để trả nợ. Do đó, bà Y không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, việc Ngân hàng không hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện để bà Y trả nợ theo phương thức mà bà Y đưa ra không phải là căn cứ, cơ sở để loại trừ trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ của bà Y đối với Ngân hàng nên không được xem xét chấp nhận.

Ngoài ra, quá trình tố tụng bà Y cho rằng “Đối với 02 thẻ tín dụng có hạn mức 100.000.000 đồng, có số thẻ là 436599** ****7586 và 4365 99** ****8642, ký tại A-CN Hòa H thì bà Y chỉ ký đề nghị cấp 01 thẻ với hạn mức 100 triệu, nhưng hồ sơ khởi kiện của A thì tới 02 thẻ, mỗi thẻ 100 triệu là chưa đúng thực tế. Tuy nhiên, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 02/02/2023 thể hiện bà Y đề nghị cấp hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng cho 02 loại thẻ là VSprivilege signature và VS platinum. Đồng thời, theo bảng sao kê lịch sử giao dịch, thể hiện quá trình sử dụng 02 thẻ tín dụng nêu trên, bà Y thực hiện nhiều giao dịch thông qua 02 thẻ tín dụng này từ khi phát hành thẻ đến khi Ngân hàng thông báo chấm dứt sử dụng thẻ. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Y chỉ trình bày miệng mà không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, các nội dung trình bày của bà Y là không có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[3.2] *Về tiền lãi:* Đối với tiền lãi trong hạn, quá hạn mà A yêu cầu tính đến ngày 19/12/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) được căn cứ vào các thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã thỏa thuận, ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Y cho rằng phía A tính lãi chưa chính xác, nhưng bà Y chỉ trình bày chung chung mà không xác định được ngân hàng tính lãi không chính xác cụ thể ở khoản nào, thời điểm nào và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, các nội dung mà bà Y trình bày không có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

Như vậy, bà Y còn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho A, tính đến ngày 19/12/2025 theo bảng tính lãi mà A đã cung cấp cho Tòa án, cụ thể: Tổng tiền lãi tính đến ngày 19/12/2025, trong đó: Lãi trong hạn là 48.544.620 đồng; lãi quá hạn là 447.467.063 đồng; phạt chậm trả lãi là 5.800.563 đồng. Tổng tiền lãi là 501.812.246đ (Năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười hai nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Tổng cộng gốc và lãi là 2.623.970.732 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng)

[3.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay vốn, để đảm bảo cho khoản tiền vay, bị đơn bà Y đã tự nguyện ký kết các hợp đồng thế chấp số KIG.BĐCN.93.120123, ngày 16/01/2023. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã tuân thủ theo quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự, có công chứng hợp pháp và được thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định; nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì bên cho vay có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và các khoản thu phí có liên quan. Đối chiếu quy định tại các Điều 317, 318, 319, 323 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

[4] *Xét đề nghị của đại diện* Viện kiểm sát Khu vực 1 – An Giang đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Bà Y phải chịu án phí trên số tiền nợ phải trả cho Ngân hàng TMCP Á là 2.623.970.732 đồng, được tính như sau: $2.000.000.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng}$; phần vượt 02 tỷ là $623.970.732 \times 02\% = 12.479.414 \text{ đồng}$. Như vậy, bà Y phải nộp án phí số tiền là 84.479.414đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

+ Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Á tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.165.907đ (Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm lẻ bảy đồng) theo biên lai thu số 0007370, ngày 14/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (Nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 1 – An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bà Trần Thị Ngọc Y phải trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.1374.120123, ngày 16/01/2023; Hợp đồng cấp tín dụng số KIG.CN.5286.290224, ngày 01/3/2024; Thẻ tín dụng ngày 02/02/2023 và ngày 07/03/2024, cụ thể: Tổng cộng số tiền tiền gốc là 2.092.158.486 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 19/12/2025, trong đó: Lãi trong hạn là 48.544.620 đồng; lãi quá hạn là 447.467.063 đồng; phạt chậm trả lãi là 5.800.563 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.623.970.732 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh, kể từ ngày 20/12/2025 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trường hợp, bà Y không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Lô L, đường số B, Dự án khu dân cư bến xe tỉnh, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp S, xã B, tỉnh An Giang) do bà Trần Thị Ngọc Y đứng tên chủ quyền theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KIG.BĐCN.93.120123, ngày 16/01/2023.

Kể từ ngày 20/12/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn Trần Thị Ngọc Y phải nộp án phí số tiền là 84.479.414đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

+ Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Á tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.165.907đ (Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm lẻ bảy đồng) theo biên lai thu số 0007370, ngày 14/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (Nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 1 – An Giang).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 1 – An Giang;
- Phòng THA DS Khu vực 1 – An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa